

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ B
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2023/HNGĐ-ST
Ngày 19 tháng 4 năm 2023
“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ B - TỈNH ĐIỆN BIÊN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Ích Rồng**
Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Lò Thị Thanh Bình** và Ông **Nguyễn Quang Khải**
Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Tuyết Nhung** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện ĐB - tỉnh Điện Biên.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện ĐB, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông **Hoàng Đức Thái** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐB, tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 70/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lò Thị T**, sinh năm 1998.

Nơi cư trú: Bản NL, xã LG, huyện ĐB Đông, tỉnh Điện Biên; vắng mặt tại phiên tòa có lý do.

2. Bị đơn: Anh **Lường Văn P**, sinh năm 1995.

Nơi cư trú: Bản PN, xã PL, huyện ĐB, tỉnh Điện Biên; vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn ngày 02 tháng 02 năm 2023, tại bản tự khai, nguyên đơn chị Lò Thị T trình bày:

1. Về hôn nhân: Chị Lò Thị T và anh Lường Văn P có Đ ký kết hôn tại UBND xã PL, huyện ĐB, tỉnh Điện Biên vào ngày 18/01/2017. Chị T và anh P kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị T và anh P chung sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi nhau, mặc dù đã được hai bên gia đình hoà giải nhiều lần nhưng cả hai vẫn không tìm được tiếng nói chung. Mâu thuẫn ngày một trầm trọng chị T và anh P đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2018 cho đến nay. Chị T thấy cuộc sống chung của vợ chồng ngày càng lâm vào tình trạng trầm trọng. Tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị T làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện ĐB, tỉnh Điện Biên xem xét, giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lường Văn P.

2. Về con chung: chị Lò Thị T và anh Lường Văn P có 01 con chung là cháu Lường Hải Đ, sinh ngày 22/8/2016; chị T có nguyện vọng để anh P trực tiếp nuôi

cháu Lường Hải Đ cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Về cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản: Tài sản chung; tài sản riêng; nợ phải trả; nợ lấy về; ruộng nương: chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn: anh Lường Văn P trình bày: Anh P và chị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện; có có Đ ký kết hôn tại UBND xã PL, huyện ĐB, tỉnh Điện Biên vào ngày 18/01/2017; nguyên nhân chủ yếu là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống; nay chị T xin ly hôn thì anh P cũng nhất trí ly hôn.

Về con chung như chị T trình bày; anh P có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Lường Hải Đ cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động; không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Tài sản chung; tài sản riêng; nợ phải trả; nợ lấy về; ruộng nương: Anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại phiên tòa, kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:

* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và quá trình xét xử sơ thẩm vụ án.

* Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

+ Đối với Nguyên đơn và bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Ý kiến giải quyết vụ án:

- Về hôn nhân: Căn cứ Điều 51, 53, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung đơn khởi kiện của chị T; chị T được ly hôn với anh P.

- Về con chung: Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Lường Hải Đ, sinh ngày 22/8/2016 cho anh Lường Văn P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đ cho đến khi đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Cấp dưỡng nuôi con chung: đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

- Về quan hệ tài sản: Tài sản riêng, tài sản chung; nợ phải trả, nợ lấy về; ruộng nương: đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Miễn toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch cho chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; Trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Lường Văn P, cư trú tại bản PN, xã PL, huyện ĐB, tỉnh Điện Biên; Chị T khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Lường Văn P nên Tòa án nhân dân huyện ĐB thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân

sự. Chị T xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa nên phiên tòa tiến hành xét xử vắng mặt chị T theo khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

Anh Lương Văn P xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa nên phiên tòa tiến hành xét xử vắng mặt anh P theo khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

[2] Về nội dung:

2.1 Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Lò Thị T và anh Lương Văn P là hợp pháp, chị T và anh P phát sinh mâu thuẫn do tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6/2018 cho đến nay, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa, được thể hiện tại biên bản xác nhận tình trạng hôn nhân của chính quyền địa P ngày 03/2/2023. Mặt khác chị T và anh P đều muốn được ly hôn. Điều này, chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh P đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T nên xét xử cho chị T được ly hôn với anh P là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

2.2 Về con chung: Chị Lò Thị T và anh Lương Văn P có 01 con chung là cháu Lương Hải Đ, sinh ngày 22/8/2016; chị T có nguyện vọng để cho anh P được trực tiếp nuôi cháu Lương Hải Đ cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. anh P nhất trí trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ; mặt khác cháu Lương Hải Đ đang được anh P trực tiếp nuôi dưỡng từ khi ly thân cho đến nay; cháu Lương Hải Đ qua xác minh thì bị bệnh bại não bẩm sinh thuộc trường hợp khuyết tật đặc biệt nặng được phòng LĐ – TBXH huyện ĐB trợ cấp hàng tháng là 900.000 đồng nên Hội đồng xét xử xét thấy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, cần giao cháu Lương Hải Đ cho anh Lương Văn P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

2.3 Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị Lò Thị T và anh Lương Văn P không yêu cầu Tòa án giải quyết. vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 5 BLTTDS, không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản: Tài sản chung, riêng; nợ phải trả; nợ lấy về; ruộng nương: chị T và anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 5 BLTTDS, không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Lò Thị T là người dân tộc thiểu số sinh sống ở bản có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội miễn toàn bộ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch cho chị T.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện VKS huyện ĐB tại phiên tòa là có cơ sở pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và

khoản 1, 3 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội, Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lò Thị T.

1. Về hôn nhân: Chị Lò Thị T được ly hôn anh Lương Văn P.

2. Về con chung: Giao cháu Lương Hải Đ, sinh ngày 22/8/2016 cho anh Lương Văn P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

Chị T có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở quyền này. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên; người thân thích; Cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản: Tài sản chung; tài sản riêng, nợ phải trả; nợ lấy về; ruộng, nương: Tòa án không xem xét, giải quyết. .

4. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch cho chị T.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lò Thị T và anh P được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại UBND xã PL, huyện DB, tỉnh Điện Biên.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện DB;
- Chi cục THADS huyện DB;
- UBND xã PL, huyện DB ;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Ích Rồng

